

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC HOÀ  
TỈNH LONG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 137/2017/DS-ST  
Ngày: 29-7-2017  
V/v "Đòi tài sản"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HOÀ, TỈNH LONG AN

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ Tòa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tài.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà: Trần Thị Đồi
2. Ông: La Văn Việt.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Cương, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Trong ngày 29/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149 /TLST-DS ngày 07/4/2017 về tranh chấp "Đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2017/QĐXX-ST ngày 20/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 159/QĐHP-ST ngày 10/7/2017, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Bùi Quang T, sinh năm 1973. (có mặt)

Trú tại Ấp P, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1973, (vắng mặt)

Trú tại Ấp X, xã Y, huyện D, tỉnh Long An.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 4 năm 2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Bùi Quang T trình bày tóm tắt như sau:*

Vào tháng 8 năm 2016, ông có đặt hàng mua bao bì của bà Huỳnh Thị L với số lượng 37.400 cái bao nhựa dùng để đựng cám, quy cách ngang là 70 cm, dài 110 cm, đơn giá 1.780 đồng/cái tại cơ sở sản xuất của bà Huỳnh Thị L, ở ấp X, xã Y, huyện D, tỉnh Long An, giá trị tổng số tiền là 66.572.000 đồng, ông đã giao đủ số tiền trên cho bà L thì sau đó bà L có giao cho ông số hàng nhưng qua kiểm tra bao bì thì phát hiện không đúng theo quy cách đặt hàng, ông chỉ nhận số bao bì của bà L giao đúng quy cách là 12.300 cái bao như vậy bà L còn nợ lại ông 25.100

cái bao, đơn giá là 1.780 đồng/cái, giá trị số tiền còn lại là 44.678.000 đồng. Nay ông yêu cầu bà Huỳnh Thị L phải cho ông số tiền trên.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn bà Huỳnh Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà Huỳnh Thị L không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của ông T. Bà L cũng không đến Tòa để tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải. Nguyên đơn ông T có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Bị đơn bà Huỳnh Thị L đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2017, ông Bùi Quang T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị L phải trả cho ông số tiền 44.678.000 đồng về hợp đồng mua bán bao bì giữa ông T và bà L nên xét thấy về quan hệ pháp luật tranh chấp đòi tài sản. Về thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện. Căn cứ vào Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, về thời hiệu vụ án còn thời hiệu.

[3]. Về nội dung vụ án: Theo ông T cho rằng đây là số tiền mà trước đây ông và bà L có hợp đồng mua bao bì dùng để đựng cám, ông T đã đặt hàng mua bao của bà L số lượng là 37.400 bao bì với đơn giá 1.780 đồng/1bao bì quy cách hai bên thỏa thuận ngang 70 cm, dài 110 cm với tổng số tiền là 66.572.000 đồng, bà L đã nhận đủ số tiền trên, nhưng khi thực hiện việc giao nhận hàng thì ông T phát hiện bà L làm sai quy cách, ông T chỉ nhận được 12.300 bao bì số còn lại là 25.100 bao bì không đúng quy cách nên ông T không nhận. Trong số 25.100 bao bì không đúng quy cách tương ứng với số tiền là 44.678.000 đồng. Nay ông T yêu cầu bà L phải trả lại cho ông số tiền trên.

Đối với bà Huỳnh Thị L, bà L vắng mặt tại tòa. Tuy nhiên, bà L đã nhận được thông báo thụ lý vụ án bà đã biết được việc ông T yêu cầu bà phải có trách nhiệm trả số tiền trên cho ông T bà cũng không đến tòa để tham gia hòa giải để bảo vệ quyền lợi ích của mình như vậy xem bà đã thừa nhận việc bà thiếu số tiền mà ông

T yêu cầu bà trả. Ngoài ra căn cứ vào giấy nhận của bà Huỳnh Thị L vào ngày 13/10/2016 cũng như qua số lần nhận bao bì của ông T, nên Hội đồng xét xử có đủ chứng cứ để chấp nhận theo yêu cầu của ông T buộc bà L phải trả cho ông Bùi Quang T số tiền 44.678.000 đồng.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Huỳnh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên*

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 280, 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 236/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Đòi tài sản*” của Bùi Quang T đối với bà Huỳnh Thị L.

Buộc bà Huỳnh Thị L phải trả cho ông Bùi Quang T số tiền 44.678.000 đồng (*Bốn mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn đồng*).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: Buộc bà Huỳnh Thị L phải chịu 2.233.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Hoàn lại cho ông Bùi Quang T số tiền tạm ứng án phí 1.116.950 đồng theo biên lai thu số 0000167 ngày 04/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

Án sơ thẩm xét xử tuyên án công khai, trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THA huyện
- Đương sự
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Tài**